

Số: 05/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Y Phụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên họp: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025, về việc: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án và yêu cầu khác theo quy định của Luật thi hành án dân sự theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 337/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trần Thị R, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967; Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà Trần Thị R là ông Hồ Thanh H1, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1983; Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2025. Có mặt

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; Vắng mặt

2.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1974; Vắng mặt

2.3. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1996; Vắng mặt

2.4. Chị Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1999; Vắng mặt

2.5. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ1, sinh năm 2007; Vắng mặt

2.6. Anh Nguyễn Văn Hồng Th, sinh năm 2011; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TP, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 01 tháng 7 năm 2025 của bà Trần Thị R, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị R là ông Hồ Thanh H1 tại phiên họp, có nội dung như sau:

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp) ban hành Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số: 40/2022/QĐCNHGT-DS, có nội dung: Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị R số tiền mua thức ăn chăn nuôi cho cá lóc và thuốc thú y thủy sản còn nợ là: 1.337.450.000 đồng và phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp) ban hành Quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 153/QĐ-CCTHADS, có nội dung: Cho thi hành án đối với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị R số tiền mua thức ăn chăn nuôi cá lóc và thuốc thú y thủy sản còn nợ là: 1.337.450.000 đồng và phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết việc thi hành án dân sự giữa bà Trần Thị R với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự ra Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số: 380/TB-CCTHADS ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, yêu cầu các đương sự tự nguyện thỏa thuận, phân chia tài sản chung gồm:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 377m², thuộc thửa số 755, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), sổ vào sổ cấp GCN: CH05877, số phát hành CN 966669, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018;

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 776,0m², thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), số vào sổ cấp GCN: CH05878, số phát hành CN 966670, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018;

3/ Quyền sử dụng đất diện tích 297m², thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), số vào sổ cấp GCN: CH05879, số phát hành CN 966671, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018.

Hộ gia đình của ông Nguyễn Văn B thời điểm ngày 22 tháng 3 năm 2004 đến ngày 09 tháng 7 năm 2018; ngày 12 tháng 4 năm 2021, gồm các thành viên như sau:

- 1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1965
- 2/ Bà Trần Thị H (vợ ông B), sinh năm: 1974
- 3/ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ (con ông B), sinh năm: 1996
- 4/ Chị Nguyễn Thị Hồng H2 (con ông B), sinh năm: 1999
- 5/ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ1 (con ông B), sinh năm: 2007
- 6/ Anh Nguyễn Văn Hồng Th (con ông B), sinh năm: 2011

Tất cả cùng địa chỉ: khóm T2, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã TP, tỉnh Đồng Tháp).

Nguồn gốc phân đất nêu trên là do cha mẹ của ông Nguyễn Văn B để lại. Tại thời điểm cấp giấy đất các con của ông B và bà H còn rất nhỏ, giai đoạn này còn là học sinh, chưa lao động được và không tạo ra thu nhập, nên không có công sức đóng góp để hình thành được các tài sản như trên. Do đó, cần xem xét đây là tài sản của ông B và bà H, các con không có công sức đóng góp.

Nay bà Trần Thị R yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H trong khối tài sản chung của hộ gồm:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 377m², thuộc thửa số 755, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), số vào sổ cấp GCN: CH05877, số phát hành CN 966669, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018;

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 776,0m², thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), số vào sổ cấp GCN: CH05878, số phát hành CN 966670, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018;

3/ Quyền sử dụng đất diện tích 297m², thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), số vào sổ cấp GCN: CH05879, số phát hành CN 966671, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018.

- Lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những Vấn đề nêu trên: để xác định phần sở hữu của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H trong khối tài sản nêu trên, nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H, căn cứ Quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số: 153/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp).

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Hồng Đ, chị Nguyễn Thị Hồng H2 chị Nguyễn Thị Hồng Đ1, anh Nguyễn Văn Hồng Th đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc dân sự và Quyết định mở phiên họp nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị R.

Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 27, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Thư ký tại phiên họp: Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên họp sơ thẩm vụ việc dân sự; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

2. Về việc nội dung: Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 651 Bộ Luật dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Trần Thị R do anh Hồ Thanh H1 làm đại diện, xác định phần

quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị H trong khối tài sản của hộ ông Nguyễn Văn B là 2/5 trong các thửa đất số 1, 7, 755, cùng tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nội dung yêu cầu của bà Trần Thị R là việc dân sự “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án và yêu cầu khác theo quy định của Luật thi hành án dân sự” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự (*được sửa đổi, bổ sung năm 2025*), Điều 74 Luật Thi hành án dân sự là đúng quy định pháp luật và thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (*được sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Hồng Đ, chị Nguyễn Thị Hồng H2, chị Nguyễn Thị Hồng Đ1, anh Nguyễn Văn Hồng Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự (*được sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[3] Về nội dung: Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số: 40/2022/QĐCNHGT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp) ghi nhận: Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị R số tiền mua thức ăn chăn nuôi cho cá lóc và thuốc thú y thủy sản còn nợ là: 1.337.450.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp) không cưỡng chế tài sản để thi hành được quyết định nêu trên do đang tranh chấp quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chung. Do đó, bà Trần Thị R yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H trong khối tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn B để thực hiện nghĩa vụ dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được thì phần diện tích đất mà Trần Thị R đang yêu cầu có nguồn gốc như sau:

- Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 2001), diện tích 297,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965, CMND số: 371868296, địa chỉ: ấp T2, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã TP, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH05879, số phát hành CN 966671, do UBND huyện Hồng Ngự cấp ngày 09 tháng 7 năm 2018. Hiện tại thửa đất chưa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại các ngân hàng.

- Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 2001), diện tích 776,0m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, địa chỉ thửa đất: xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965, CMND số: 371868296, địa chỉ: ấp T2, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã TP, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH05878, số phát hành CN 966670, do UBND huyện Hồng Ngự cấp ngày 09 tháng 7 năm 2018. Hiện tại thửa đất chưa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại các ngân hàng.

- Thửa đất số 755, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 2001), diện tích 377,0m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965, CMND số: 371868296, địa chỉ: ấp T2, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã TP, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH05877, số phát hành CN 966669, do UBND huyện Hồng Ngự cấp ngày 09 tháng 7 năm 2018. Hiện tại thửa đất chưa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại các ngân hàng.

Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì được ghi nhận cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại thời điểm này hộ ông Nguyễn Văn B gồm có: Ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Hồng Đ, chị Nguyễn Thị Hồng Đ1, anh Nguyễn Văn Hồng Th. Tuy tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị Nguyễn Thị Hồng Đ1 (sinh năm 2007), anh Nguyễn Văn Hồng Th (sinh năm 2011) chưa đủ 18 tuổi nhưng theo khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 (khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024) thì: Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất. Cho nên những tài sản được xác lập cho hộ ông Nguyễn Văn B tại thời điểm này vẫn là tài sản

chung của hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Bộ luật Dân sự, vì vậy chị Nguyễn Thị Hồng Đ1, anh Nguyễn Văn Hồng Th vẫn có quyền sử dụng trong khối tài sản này. Còn chị Nguyễn Thị Hồng H2 (con ông B) đã chuyển đi năm 2007 nên tuy là người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng tại thời điểm được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất không còn sống chung nên chị Hồng H2 không là thành viên của hộ ông Nguyễn Văn B khi được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

[5] Từ những phân tích trên, xác định phân quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1, thửa đất số 7 và thửa đất số 755, cùng tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp) của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H trong khối tài sản này tương ứng với $\frac{2}{5}$.

[6] Từ những nhận định và phân tích trên, Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị R như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị R phải chịu lệ phí sơ thẩm.

Bởi các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, các Điều 35, 92, 149, 367, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 102, Điều 212 Bộ luật dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024; các khoản 1, 2 Điều 103 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị R về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H trong khối tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn B.

1.1. Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H được quyền sử dụng $\frac{2}{5}$ của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 2001), diện tích 297,0m², mục đích sử dụng: đất

ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn B, có số vào sổ CH05879, số phát hành CN 966671, ngày 09 tháng 7 năm 2018.

1.2. Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H được quyền sử dụng $\frac{2}{5}$ của thửa đất số 7, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 2001), diện tích 776,0m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, địa chỉ thửa đất: xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn B, có số vào sổ CH05878, số phát hành CN 966670, ngày 09 tháng 7 năm 2018.

1.3. Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H được quyền sử dụng $\frac{2}{5}$ của thửa đất số 755, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 2001), diện tích 377,0m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn B, có số vào sổ CH05877, số phát hành CN 966669, ngày 09 tháng 7 năm 2018.

(Kèm theo Trích lục bản đồ địa chính bản sao photo số 1007/TL.ĐC, số 1008/TL.ĐC, số 1009/TL.ĐC cùng ngày 26 tháng 3 năm 2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản sao photo số vào sổ: CH05879, CH05878, CH05877 cùng ngày 09 tháng 7 năm 2018).

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị R chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006469 ngày 31 tháng 10 năm 2025, bà R không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

3.2. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 - Đồng Tháp;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Lương Bằng